

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4736** /2014/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày **27** tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển tỉnh Thanh Hóa năm 2015.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; Quyết định số 3043/QĐ-BTC ngày 28/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015; Quyết định số 1758/QĐ-BKHĐT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao vốn thực hiện các chương trình MTQG năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 95/2014/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVI, Kỳ họp thứ 11 về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015 tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh Thanh Hóa năm 2015 để các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện với các nội dung chính như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối: 501 tỷ đồng.

Trong đó:

- Bố trí vốn thanh toán khối lượng hoàn thành: 226,5 tỷ đồng.
- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp: 224,5 tỷ đồng.
- Bố trí vốn cho các chương trình, dự án mới: 50 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn các chương trình MTQG: 431,8 tỷ đồng

Trong đó:

- Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành: 179,1 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp: 238 tỷ đồng.
- Bố trí vốn khởi công mới 3 dự án: 14,7 tỷ đồng.

(Chi tiết kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối, vốn đầu tư theo các chương trình MTQG có phụ lục kèm theo).

3. Nguồn vốn các chương trình bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ và vốn ODA: 2.780,984 tỷ đồng

Sau khi có quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương trình UBND tỉnh xem xét, giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị và chủ đầu tư để thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các ngành và đơn vị liên quan, căn cứ Nghị quyết số 95/2014/NQ-HĐND ngày 16/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVI, kỳ họp thứ 11; nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể hóa kế hoạch, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015 được UBND tỉnh giao, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, địa phương, đơn vị mình, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

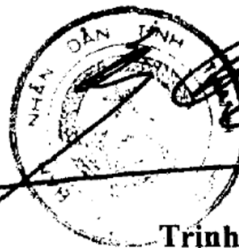
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Bộ: KH & ĐT, TC (để b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THKH (02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Chiến


Phụ lục:
CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
TỪ QUẢN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, TPCP VÀ VỐN ODA DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2015
 (Kèm theo Quyết định số **17/16** /2014/QĐ-UBND ngày **17** tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2015	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
	TỔNG SỐ				3.713.784		
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI				501.000		
a	Dự án đã hoàn thành				226.500		
*	<i>Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt</i>	911.828	717.599	194.229	194.229		
1	Trụ sở làm việc hợp khối Ủy ban MTTQ và Hội LHPN.	36.491	29.672	6.819	6.819	Ủy ban MTTQ tỉnh	Thanh toán theo quyết toán được duyệt
2	Nâng cấp trường Cao đẳng Thể dục thể thao (hạng mục nhà giảng đường thư viện).	74.030	53.159	20.871	20.871	Trường Cao đẳng Thể dục thể thao	-nt-
3	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh.	39.499	32.210	7.289	7.289	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh	-nt-
4	Bảo tồn, tôn tạo di tích Chiến khu Ngọc Trạo.	34.486	25.080	9.406	9.406	UBND huyện Thạch Thành	-nt-
5	Tôn tạo lăng mộ Vua Lê Dụ Tông, xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân.	11.640	8.500	3.140	3.140	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	-nt-
6	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Xây dựng.	2.351	2.000	351	351	Sở Xây dựng	-nt-
7	Tu bổ, tôn tạo đền thờ Mai An Tiêm và công tử trụ, huyện Nga Sơn (GD I).	11.109	9.064	2.045	2.045	UBND huyện Nga Sơn	-nt-
8	Bức phù điêu tri ân các anh hùng liệt sỹ tại Hang 8 cô.	7.194	4.200	2.994	2.994	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	-nt-
9	Cắm biển báo hiệu chỉ dẫn đến Thành Nhà Hồ trên các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh.	718	590	128	128	Trung tâm bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	-nt-
10	Xây dựng, lắp đặt biển chỉ dẫn, biển quảng bá Di sản văn hoá thế giới Thành Nhà Hồ.	6.244	5.150	1.094	1.094	Trung tâm bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	-nt-
11	Bảo tồn cấp thiết di tích đã xuất lộ ở Đền tế Nam Giao và các hạng mục phụ trợ, huyện Vĩnh Lộc.	10.012	8.180	1.832	1.832	Trung tâm bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	-nt-
12	Nhà che hồ khai quật và chỉnh trang khuôn viên công trường khai thác đá cổ núi An Tôn.	513	420	93	93	Trung tâm bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	-nt-

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
13	Chống thấm vòm công Nam, Di sản Thành Nhà Hồ.	413	340	73	73	Trung tâm bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	-nt-
14	Đường dạo quanh chân tường thành nội Di sản Thành Nhà Hồ.	2.803	2.310	493	493	Trung tâm bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	-nt-
15	Trạm vệ tinh của Ngân hàng dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Việt Nam tại Khu di tích lịch sử Lam Kinh.	1.253	1.021	232	232	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	-nt-
16	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bảo tàng tỉnh.	7.363	6.040	1.323	1.323	Sở Xây dựng	-nt-
17	Trụ sở làm việc Huyện ủy Thạch Thành.	16.180	14.092	2.088	2.088	Huyện ủy Thạch Thành	-nt-
18	Trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành nông nghiệp và PTNT.	1.256	1.153	103	103	Sở Nông nghiệp và PTNN	-nt-
19	Khu tưởng niệm dân công đã hy sinh tại hang Co Phương, xã Phú Lễ, huyện Quan Hoá.	5.307	4.540	767	767	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	-nt-
20	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS.	18.543	16.781	1.762	1.762	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	-nt-
21	Bia ghi danh các liệt sỹ tỉnh Thanh Hóa tại Nghĩa trang Trường Sơn, tỉnh Quảng Trị.	4.168	3.410	758	758	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	-nt-
22	Nhà làm việc tạm và nhà bảo quản hiện vật khu DTLS Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc.	13.112	10.888	2.224	2.224	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	-nt-
23	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Thọ Xuân (nhà lớp học và làm việc số 2).	2.707	2.170	537	537	Huyện ủy huyện Thọ Xuân	-nt-
24	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh đồng muối xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia.	5.772	4.730	1.042	1.042	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-
25	Hệ thống công trình thủy lợi phục vụ thau chua, rửa mặn xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc.	19.241	14.840	4.401	4.401	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
26	Trụ sở làm việc UBND-UBND huyện Hậu Lộc.	34.346	28.060	6.286	6.286	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
27	Trụ sở huyện ủy Thường Xuân.	7.578	6.140	1.438	1.438	Huyện ủy Thường Xuân	-nt-
28	Cải tạo nâng cấp đường Đoàn Thị Điểm, thị xã Sầm Sơn.	13.803	11.280	2.523	2.523	UBND thị xã Sầm Sơn	-nt-
29	Đường Bà Triệu, thị xã Sầm Sơn (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Vĩnh Đại).	26.961	26.460	501	501	UBND thị xã Sầm Sơn	-nt-
30	Đường giao thông xã Quảng Ngọc, tuyến Chợ Hội đi Tháng Phú, huyện Quảng Xương.	6.680	5.430	1.250	1.250	UBND huyện Quảng Xương	-nt-

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
31	Đường liên bản phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng đồng bào Mông (Quốc xã biên giới) Na Mèo, huyện Quan Sơn.	71.649	67.200	4.449	4.449	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	-nt-
32	Cải tạo nâng cấp đường Lý Tự Trọng thị xã Sầm Sơn.	26.645	26.387	258	258	UBND thị xã Sầm Sơn	-nt-
33	Chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án đường giao thông Bến Sung - Phú Nhuận.	480	115	365	365	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
34	Cầu Hà Thanh, huyện Hà Trung.	32.914	22.800	10.114	10.114	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
35	Đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.	30.360	17.766	12.594	12.594	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
36	Mở rộng mặt đường và xây dựng rãnh thoát nước dọc đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Thanh Hóa.	4.563	4.050	513	513	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
37	Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến đường tỉnh 525 (đoạn cầu Đò Trạp đi xã Minh Thọ, huyện Nông Cống).	20.398	14.015	6.383	6.383	UBND huyện Nông Cống	-nt-
38	Đường giao thông từ thị trấn Bến Sung đi xã Hải Long, huyện Như Thanh.	5.788	5.014	774	774	UBND huyện Như Thanh	-nt-
39	Đường Na Sài - Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa.	11.487	11.079	408	408	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
40	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi vào Khu Di tích lịch sử Quốc gia: Chùa Báo Ân; Khu Lăng, Mộ Trịnh Tùng; Đền, Bia Trịnh Khả xã Vĩnh Hùng và xã Vĩnh Hoà, huyện Vĩnh Lộc.	17.931	12.000	5.931	5.931	UBND huyện Vĩnh Lộc	-nt-
41	Đường giao thông liên xã từ thị trấn Thường Xuân đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân.	49.298	40.200	9.098	9.098	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
42	Xây rãnh thoát nước dọc đường Đình Hương - Giàng, TP. Thanh Hoá.	4.365	3.606	759	759	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
43	Chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư xây dựng sân bay dân dụng tỉnh Thanh Hóa.	1.985	921	1.064	1.064	Sở Xây dựng	-nt-
44	Cống Tứ Thôn, xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn.	4.502	3.986	516	516	Sở Nông nghiệp và PTNN	-nt-
45	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng ngập lụt 3 xã Hà Dương, Hà Văn, Hà Thanh, huyện Hà Trung.	8.219	6.700	1.519	1.519	UBND huyện Hà Trung	-nt-
46	Đường cứu hộ, cứu nạn liên thôn xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia.	14.192	12.362	1.830	1.830	Chi cục Điều tra và PCLB	-nt-
47	Vùng nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng trọt, chăn nuôi tập trung huyện Nông Cống.	8.655	7.196	1.459	1.459	UBND huyện Nông Cống	-nt-
48	Kè đê tả sông Bạng xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia.	3.303	1.400	1.903	1.903	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
49	Hệ thống công trình thủy lợi đầu mối vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ xã Hoàng Phong, huyện Hoằng Hóa.	4.429	4.000	429	429	UBND huyện Hoằng Hóa	-nt-
50	Nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng trọt, chăn nuôi tập trung vùng Đông Vược, huyện Thiệu Hóa.	5.370	4.247	1.123	1.123	UBND huyện Thiệu Hóa	-nt-
51	Trang thiết bị máy tính cho Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Tỉnh ủy và 187 Đảng ủy xã, phường, thị trấn.	6.037	4.970	1.067	1.067	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	-nt-
52	Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm thanh niên tỉnh Thanh Hóa (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	869	600	269	269	Tỉnh đoàn thanh niên Thanh Hóa	-nt-
53	Làng thanh niên lập nghiệp Sông Chàng, huyện Như Xuân.	8.977	6.975	2.002	2.002	Ban Chấp hành tỉnh đoàn Thanh Hóa	-nt-
54	Nhà làm việc 02 tầng kết hợp gara ôtô thuộc văn phòng Sở Y tế.	3.432	3.246	186	186	Sở Y tế	-nt-
55	Cửa hàng và kho thương mại miền núi huyện Ngọc Lặc.	6.645	6.104	541	541	Công ty Thương mại và Đầu tư phát triển miền núi Thanh Hóa	-nt-
56	GPMB bảo vệ di sản lịch sử Thành Nhà Hồ huyện Vĩnh Lộc.	4.305	4.192	113	113	UBND huyện Vĩnh Lộc	-nt-
57	Bảo tồn, tôn tạo sân rồng, thềm rồng.	10.576	9.544	1.032	1.032	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	-nt-
58	Nâng cấp website Thành Nhà Hồ.	796	700	96	96	Trung tâm bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ	-nt-
59	Nhà làm việc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hoá gia đình huyện Nông Cống.	1.891	1.350	541	541	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình Thanh Hoá	-nt-
60	Nhà làm việc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hoá gia đình các huyện Ngọc Lặc, Thạch Thành, Thường Xuân, Thọ Xuân, Hoằng Hoá.	10.163	6.250	3.913	3.913	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình Thanh Hoá	-nt-
61	Trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân.	7.042	5.200	1.842	1.842	Sở Y tế	-nt-
62	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ Sản Thanh Hóa.	25.009	17.425	7.584	7.584	Bệnh viện Phụ Sản	-nt-
63	Trụ sở làm việc Hạt quản lý đê điều huyện Vĩnh Lộc kết hợp nhà kho vật tư dự trữ phục vụ PCLB.	5.036	3.360	1.676	1.676	Chi cục đê điều và PCLB	-nt-
64	Kho vật tư dự trữ phục vụ PCLB tại Hạt quản lý đê điều huyện Hà Trung.	2.305	1.770	535	535	Chi cục đê điều và PCLB	-nt-
65	Sửa chữa nhà công vụ huyện Mường Lát.	4.793	2.000	2.793	2.793	UBND huyện Mường Lát	-nt-

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
66	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đông Sơn.	5.015	3.250	1.765	1.765	Huyện uỷ Đông Sơn	-nt-
67	Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở xã	60.631	37.709	22.922	22.922		
-	Công sở xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia.	8.071	4.499	3.572	3.572	UBND xã Hải Bình	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Công sở xã Xuân Bình, huyện Như Xuân.	2.277	1.330	947	947	UBND xã Xuân Bình	-nt-
-	Công sở xã Bãi Trành, huyện Như Xuân.	2.293	1.280	1.013	1.013	UBND xã Bãi Trành	-nt-
-	Công sở xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia.	2.881	1.600	1.281	1.281	UBND xã Các Sơn	-nt-
-	Công sở xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh.	2.452	1.910	542	542	UBND xã Xuân Phúc	-nt-
-	Công sở xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.	5.906	3.950	1.956	1.956	UBND xã Xuân Minh	-nt-
-	Công sở xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia.	11.862	8.900	2.962	2.962	UBND xã Hải Yến	-nt-
-	Công sở xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	2.177		2.177	2.177	UBND xã Hải Hà	-nt-
-	Công sở xã Hà Tiến, huyện Hà Trung.	6.980	4.640	2.340	2.340	UBND xã Hà Tiến	-nt-
-	Công sở xã Thịnh Lộc, huyện Hậu Lộc.	5.965	3.320	2.645	2.645	UBND xã Thịnh Lộc	-nt-
-	Công sở xã Tân Lập, huyện Bá Thước.	3.292	1.900	1.392	1.392	UBND xã Tân Lập	-nt-
-	Công sở xã Hà Tân, huyện Hà Trung.	6.475	4.380	2.095	2.095	UBND xã Hà Tân	-nt-
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	183.006	95.714	87.292	32.271		
1	Nâng cấp đường Nga Nhân - Nga Thiện - Nga An huyện Nga Sơn (Đoạn từ QL.10 vào khu du lịch động Từ Thức).	39.000	19.300	19.700	8.000	UBND huyện Nga Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
2	Hệ thống cầu treo dân sinh miền núi (hạng mục tràn liên hợp).	18.998	10.083	8.915	3.200	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
3	Cải tạo nâng cấp đường vào các cơ quan huyện Tĩnh Gia.	23.426	10.791	12.635	5.500	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-
4	Công trình thủy lợi chống hạn cho 02 xã Quang Lộc và Liên Lộc, huyện Hậu Lộc.	31.136	17.500	13.636	4.200	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
5	Nâng cấp trạm bơm tưới Bến Nhận, xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống.	13.838	8.700	5.138	1.000	UBND huyện Nông Cống	-nt-
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới xã Quảng Văn, huyện Quảng Xương.	15.551	9.000	6.551	1.900	UBND huyện Quảng Xương	-nt-
7	Bảo tồn và phát triển làng văn hóa truyền thống Lương Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	10.859	6.350	4.509	1.250	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	-nt-

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
8	Doanh trại cho đội công tác liên ngành phục vụ bão, nắng địa bàn tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát.	12.916	8.200	4.716	900	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	-nt-
9	Đê tá sóng Âu đoạn từ đập Bồ Đầu đến làng Nhuệ Thỏ xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc.	5.297	1.850	3.447	1.850	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
10	Kè chống sạt lở bờ tá sóng Bưởi tại K18+750-K19+050 tuyến đường 523 xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành (2011).	5.897	2.040	3.857	2.100	UBND huyện Thạch Thành	-nt-
11	Đê tá sóng Hép xã Yên Tâm - Yên Giang, huyện Yên Định (2011).	6.088	1.900	4.188	2.371	UBND huyện Yên Định	-nt-
b	Dự án chuyển tiếp				224.500		
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2015</i>	<i>938.772</i>	<i>555.837</i>	<i>382.935</i>	<i>78.950</i>		
1	Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hoá.	396.768	249.400	147.368	10.000	Sở Xây dựng	Kết hợp với các nguồn vốn bổ sung trong năm để hoàn thành dự án.
2	Thư viện tỉnh.	160.981	91.730	69.251	10.000	Thư viện tỉnh	-nt-
3	Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ Thuật Thanh Hoá (giai đoạn 1).	138.834	92.543	46.291	5.000	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hoàn thành dự án và quyết toán theo quy định.
4	Dự án CH1-01.	33.216	15.000	18.216	8.200	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	-nt-
5	Cầu Mắm Km12+822 đường tỉnh 525, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	22.437	10.600	11.837	5.000	Sở Giao thông Vận tải.	-nt-
6	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội số 2.	31.386	20.594	10.792	1.300	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	-nt-
7	Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn, nấm dược liệu theo hướng công nghiệp tại Thanh Hóa.	20.520	12.000	8.520	2.300	Trung tâm Nuôi cấy mô thực vật	-nt-
8	Cải tạo, nâng cấp đảm bảo an toàn liên hồ Ngô Công - Đồng Cỏ xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn.	9.265	3.600	5.665	2.900	UBND huyện Triệu Sơn	-nt-
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông vào Nhà máy Ferocrom Nam Việt (Phần NS tính hỗ trợ).	36.703	17.788	18.915	7.800	UBND huyện Triệu Sơn	-nt-
10	Cải tạo, nâng cấp công sở khối đoàn thể huyện Hoằng Hóa và sửa chữa nhà làm việc huyện ủy Hoằng Hóa (Phần NS tính hỗ trợ).	9.248	3.000	6.248	3.500	Huyện ủy Hoằng Hóa	-nt-
11	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Thạch Thành.	4.156	1.000	3.156	1.900	Huyện ủy Thạch Thành	-nt-
12	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hà Trung.	5.196	1.000	4.196	2.650	Huyện ủy Hà Trung	-nt-

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
13	Đầu tư, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Như Xuân.	6.884	1.000	5.884	3.800	Huyện ủy Như Xuân	-nt-
14	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Yên Định (phần NS tỉnh hỗ trợ).	8.525	3.000	5.525	1.000	Huyện ủy Yên Định	-nt-
15	Công sở xã Hoàng Khê, huyện Hoằng Hóa.	7.217	1.500	5.717	3.550	UBND xã Hoàng Khê	-nt-
16	Công sở xã Cán Khê, huyện Như Thanh.	6.478	1.500	4.978	3.050	UBND xã Cán Khê	-nt-
17	Công sở xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	6.265	1.500	4.765	2.900	UBND xã Mai Lâm	-nt-
18	Công sở xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa.	4.961	1.500	3.461	1.950	UBND xã Thiệu Giang	-nt-
19	Bồi thường GPMB dự án đền thờ Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	29.732	27.582	2.150	2.150	UBND Tp. Thanh Hóa	Hoàn thành công tác GPMB.
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2015</i>	<i>1.643.845</i>	<i>523.991</i>	<i>1.119.854</i>	<i>145.550</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương, TX. Sầm Sơn (đoạn từ chân núi Trường Lệ đến Vạn Chải).	396.549	50.000	346.549	10.000	UBND thị xã Sầm Sơn	Tiếp tục thực hiện dự án.
2	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị sân bay Thọ Xuân.	275.960	141.459	134.501	34.000	Sở Giao thông Vận tải	Hoàn trả số vốn đã ứng trước (28 tỷ đồng); hoàn thành gói thầu số 15.
3	Nhà làm việc các ban Tỉnh ủy Thanh Hóa.	61.044	10.000	51.044	18.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	Tiếp tục thực hiện dự án.
4	Đường cơ động trong căn cứ hậu phương của tỉnh.	64.151	37.379	26.772	3.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	-nt-
5	Đường giao thông tỉnh lộ 7 đến đường gom Khu công nghiệp Bim Sơn (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	59.605	32.070	27.535	3.000	UBND TX. Bim Sơn	-nt-
6	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	70.761	29.000	41.761	5.000	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
7	Mở rộng Trường cao đẳng Y tế Thanh Hóa (GD I).	88.050	14.000	74.050	4.000	Trường cao đẳng Y tế Thanh Hóa	Tiếp tục thực hiện hạng mục nhà thí nghiệm thực hành (bao gồm cả chi khác).
8	Trụ sở hợp khối Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Tiêu chuẩn, Đo lường chất lượng và Trung tâm Thông tin, Ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ.	53.076	7.000	46.076	4.000	Sở Khoa học và Công nghệ	Tiếp tục thực hiện hạng mục nhà hợp khối kỹ thuật TCĐLCL và Trung tâm thông tin ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ.

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
9	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thanh Hóa (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	42.792	26.000	16.792	5.000	Công an tỉnh	Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ từ Bộ Công an để tiếp tục thực hiện dự án.
10	Doanh trại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	96.893	14.500	82.393	9.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ từ Bộ Quốc phòng để tiếp tục thực hiện dự án.
11	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa.	66.167	34.187	31.980	5.000	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	Tiếp tục thực hiện dự án.
12	Tòa nhà báo Thanh Hóa và Trung tâm báo chí thành phố Thanh Hóa.	69.467	10.000	59.467	5.000	Báo Thanh Hóa	-nt-
13	Trung tâm y tế Thành phố Thanh Hóa.	30.865	12.000	18.865	5.000	Trung tâm y tế TP. Thanh Hoá	-nt-
14	Đường ven sông Mã từ ngã ba Bông đến QL 1A, thuộc địa phận huyện Hậu Lộc.	44.140	25.856	18.284	3.000	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đến Am Tiên, huyện Triệu Sơn.	85.318	48.555	36.763	3.000	UBND huyện Triệu Sơn	-nt-
16	Trung tâm y tế huyện Tĩnh Gia.	13.499	3000	10.499	3.000	Sở Y tế	-nt-
17	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Triệu Sơn.	25.147	6.000	19.147	4.000	UBND huyện Triệu Sơn	-nt-
18	Trụ sở làm việc Huyện ủy Thọ Xuân.	23.985	8.543	15.442	3.000	Huyện ủy Thọ Xuân	-nt-
19	Đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình Quảng trường văn hóa kết hợp hoạt động thể dục thể thao huyện Ngọc Lặc (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	12.120	4.500	7.620	2.500	UBND huyện Ngọc Lặc	-nt-
20	Kiên cố kênh cấp 1 và kênh nội đồng xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	8.069	942	7.127	2.550	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
21	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ngọc Lặc (phần NS tỉnh hỗ trợ).	6.888		6.888	3.000	Huyện ủy Ngọc Lặc	-nt-
22	Khu hội nghị huyện Như Xuân (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	11.370	3.000	8.370	3.000	UBND huyện Như Xuân	-nt-
23	Khu hội nghị huyện Lang Chánh (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	15.196	3.000	12.196	3.000	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
24	Khu hội nghị huyện Thường Xuân (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	11.363	3.000	8.363	2.500	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
25	Khu hội nghị huyện Mường Lát (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	11.370		11.370	3.000	UBND huyện Mường Lát	-nt-
c	Dự án khởi công mới năm 2015	295.398		295.398	50.000		

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
1	Xây dựng công trình cấp nước sạch cho các xã Đông Quang - Đông Phú - Đông Nam, huyện Đông Sơn.	18.252		18.252	4.500	UBND huyện Đông Sơn	Triển khai thực hiện dự án.
2	Trung tâm y tế huyện Nga Sơn.	17.871		17.871	3.000	UBND huyện Nga Sơn	-nt-
3	Xây dựng mới nhà 3 tầng; cải tạo nhà đội xe thành nhà công vụ và một số công trình phụ trợ của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	12.000		12.000	3.000	Văn phòng UBND tỉnh	-nt-
4	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng trận địa pháo đối C4.	5.056		5.056	2.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	-nt-
5	Bia di tích Chiến thắng trận đầu của Hải quân nhân dân Việt Nam và quân, dân miền Bắc tại Lạch Trường, xã Hoảng Trường, huyện Hoảng Hóa.	3.931		3.931	1.000	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	-nt-
6	Sa bàn Hàm Rồng Chiến Thắng.	3.600		3.600	1.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	-nt-
7	Trụ sở làm việc Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	13.936		13.936	2.500	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	-nt-
8	Trụ sở làm việc khối đoàn thể huyện Mường Lát.	4.498		4.498	1.000	UBND huyện Mường Lát	-nt-
9	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn.	13.412		13.412	2.000	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
10	Trung tâm hội nghị huyện Như Thanh (Phần NS tính hỗ trợ).	13.490		13.490	2.000	UBND huyện Như Thanh	-nt-
11	Trung tâm hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn (Phần NS tính hỗ trợ).	20.986		20.986	2.000	UBND TX. Bim Sơn	Kết hợp với nguồn vốn huy động hợp pháp khác của UBND TX Bim Sơn để triển khai thực hiện dự án.
12	Đường giao thông xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành.	65.228		65.228	5.000	UBND huyện Thạch Thành	Triển khai thực hiện dự án.
13	Trạm kiểm dịch động vật tại TX. Bim Sơn, Trạm thú y TP. Thanh Hóa và Mường Lát; Trạm bảo vệ thực vật TX. Bim Sơn, TP. Thanh Hóa và huyện Mường Lát.	23.492		23.492	5.000	Chi cục thú y; Chi cục bảo vệ thực vật và Sở Nông nghiệp và PTNT	-nt-
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Hoa Lộc đến đê biển Minh Lộc, cầu De và tuyến nhánh đến UBND xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc.	23.497		23.497	3.000	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
15	Đường Quảng Minh - Quảng Trường, Quảng Vọng, huyện Quảng Xương	20.424		20.424	3.000	UBND huyện Quảng Xương	-nt-
16	Cầu Đen, xã Hà Tiến, huyện Hà Trung	10.322		10.322	2.500	UBND huyện Hà Trung	-nt-
17	Trung tâm bồi dưỡng chính trị (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	25.403		25.403	7.500		
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hậu Lộc	7.269		7.269	2.000	Huyện ủy Hậu Lộc	Triển khai thực hiện dự án.
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tĩnh Gia	2.754		2.754	1.000	Huyện ủy Tĩnh Gia	-nt-
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Lang Chánh	5.625		5.625	1.600	Huyện ủy Lang Chánh	-nt-
-	Đầu tư xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị TX. Bim Sơn.	6.637		6.637	1.900	Thị ủy Bim Sơn	-nt-
-	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bá Thước.	3.118		3.118	1.000	Huyện ủy Bá Thước	-nt-
II VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG					431.800		
1	Chương trình MTQG về văn hoá	15.178	5.680	9.498	3.500		
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2015</i>	<i>15.178</i>	<i>5.680</i>	<i>9.498</i>	<i>3.500</i>		
-	Tu bổ, tôn tạo và phát huy di tích lịch sử văn hóa Nghè Vẹt (Phần đầu tư từ vốn CTMTQG).	15.178	5.680	9.498	3.500	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Tiếp tục thực hiện dự án.
2	Chương trình MTQG việc làm và dạy nghề	42.555	21.102	21.453	5.000		
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2015</i>	<i>42.555</i>	<i>21.102</i>	<i>21.453</i>	<i>5.000</i>		
-	Trung tâm Giới thiệu việc làm Thanh Hóa.	42.555	21.102	21.453	5.000	Trung tâm giới thiệu việc làm Thanh Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành và triển khai thực hiện hạng mục nhà học lý thuyết (bao gồm cả chi khác).
3	Chương trình MTQG y tế	25.577	7.486	18.091	6.000		
*	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2015</i>	<i>25.577</i>	<i>7.486</i>	<i>18.091</i>	<i>6.000</i>		
-	Cải tạo, mở rộng Bệnh viện Đa liệu (hạng mục GPMB, san nền, cấp điện ngoài nhà, phá dỡ công trình cũ và nhà khoa chống nhiễm khuẩn).	10.453	7.261	3.192	1.000	Bệnh viện Đa liệu Thanh Hóa	Hoàn thành và quyết toán theo quy định.
-	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Mắt.	15.124	225	14.899	5.000	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa	Triển khai thực hiện dự án và hoàn thành dự án.
4	Chương trình MTQG phòng, chống HIV/AIDS	15.438	300	15.138	5.000		
-	Mua sắm trang thiết bị y tế Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Thanh Hoá.	15.438	300	15.138	5.000	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Tiếp tục thực hiện dự án.

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
5	Chương trình MTQG cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	54.390	35.506	18.884	13.000		
*	Dự án hoàn thành các quyết toán được duyệt	30.039	23.606	6.433	6.433		
-	Cấp nước sinh hoạt bản C, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh.	1.325	1.105	220	220	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Cấp nước sinh hoạt bản Bót, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh.	894	740	154	154	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Cầm, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh.	1.439	1.200	239	239	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Cang, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	1.025	850	175	175	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Ngõ, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	1.542	1.295	247	247	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Chu, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.	1.303	1.091	212	212	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Tân Thọ, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân.	1.465	1.225	240	240	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Tân Cường, xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh.	1.112	930	182	182	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Leo, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.	991	830	161	161	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Đầm, xã Thành lâm, huyện Bá Thước.	978	850	128	128	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Tân Biên, xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh.	629	530	99	99	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Lách, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	1.057	890	167	167	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Pá Hộc, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát.	1.819	1.360	459	459	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Pha Đén, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.	906	780	126	126	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Lìn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	822	620	202	202	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Cá Tớp, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.	818	630	188	188	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-

1	2	3	4	S=3-4	6	7	8
-	Cấp nước sinh hoạt bản Khăm 2, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	737	540	197	197	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Cha La, xã Mường Lý, huyện Mường Lát.	521	380	141	141	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Sa Lung, xã Mường Lý, huyện Mường Lát.	761	540	221	221	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Trung Thắng, xã Mường Lý, huyện Mường Lát.	527	380	147	147	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Con, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh.	1.989	1.560	429	429	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt Trung tâm xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	1.784	1.290	494	494	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Pù Ngùa, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.	1.513	1.080	433	433	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước thôn Tân Tiến - thôn Đông Dế, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh.	1.913	1.430	483	483	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt làng Sông, xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc.	2.169	1.480	689	689	UBND huyện Ngọc Lặc	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>	<i>12.502</i>	<i>7.287</i>	<i>5.215</i>	<i>2.720</i>		
-	Cấp nước sinh hoạt bản Pốc, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh.	1.828	1.140	688	320	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Hát, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	849	442	407	240	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Muống, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	1.175	580	595	360	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Mỏ, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn.	1.935	980	955	570	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	1.987	1.360	627	230	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt bản Bông, xã Mường Chan, huyện Mường Lát.	734	460	274	130	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Cấp nước sinh hoạt bản Ngâm, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn.	2.484	1.545	939	440	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	-nt-
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phùng Sơn, xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lặc.	1.511	780	731	430	UBND huyện Ngọc Lặc	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2015</i>	<i>6.542</i>	<i>4.583</i>	<i>1.959</i>	<i>650</i>		

1	3	4	5=3-4	6	7	8
- Hệ thống cấp nước sạch xã Đông Anh, huyện Đông Sơn (Phần NS tính hỗ trợ)	6.542	4.583	1.959	650	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	Kết hợp với nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện và xã Đông Anh để hoàn thành dự án và quyết toán theo quy định.
* Dự án khởi công mới năm 2015	5.306	30	5.276	3.197		
- Cấp nước sinh hoạt Trung tâm xã Yên Khương, huyện Lang Chánh.	5.306	30	5.276	3.197	Trung tâm nước sinh hoạt và VSMTNT	Triển khai thực hiện và hoàn thành dự án.
6 Chương trình MTQG ứng phó với biến đổi khí hậu	36.148	7.000	29.148	11.900		
- Trồng rừng ngập mặn phòng hộ ven biển, chống xói lở bờ biển tỉnh Thanh Hóa.	36.148	7.000	29.148	11.900	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tiếp tục thực hiện dự án.
7 Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo	11.526	5.000	6.526	1.500		
- Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2014 - 2015.	11.526	5.000	6.526	1.500	Sở Thông tin và Truyền thông	Kết hợp với nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để hoàn thành dự án và quyết toán theo quy định.
8 Chương trình MTQG giáo dục và đào tạo	220.384	22.661	197.723	4.000		
- Trường THCS dân tộc nội trú huyện Thạch Thành.	4.975	4.104	871	871	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
- Nhà hiệu bộ Trường THCS dân tộc nội trú huyện Mường Lát.	4.400	2.422	1.978	1.100	UBND huyện Mường Lát	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
- Trường THPT dân tộc nội trú tại Đô thị Ngọc Lặc.	211.009	16.135	194.874	2.029	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tiếp tục thực hiện hạng mục san lấp mặt bằng, nhà hiệu bộ, cổng, tường rào.
9 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				381.900		
9.1 Dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn; các thôn bản đặc biệt khó khăn (chương trình 135)				150.800	UBND các xã	Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ban Dân tộc phân bổ vốn chi tiết cho từng đơn, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để triển khai thực hiện.

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
9.2	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo				37.000	UBND các xã	Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ vốn chi tiết cho từng huyện, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để triển khai thực hiện.
9.3	Hỗ trợ đầu tư huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NĐ-CP của Chính Phủ				194.100		
a	Huyện Mường Lát	103.645	68.308	35.337	29.100		
*	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	37.500	27.052	10.448	10.448		
-	Trung tâm dạy nghề huyện Mường Lát.	37.500	27.052	10.448	10.448	UBND huyện Mường Lát	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
*	Dự án hoàn thành năm 2015	66.145	41.256	24.889	11.700		
-	Đường giao thông từ bản Chim xã Nhi Sơn đi bản Pom Khuông xã Tam Chung.	39.076	26.256	12.820	5.000	UBND huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án và quyết toán theo quy định.
-	Đập, mương bản Sáng xã Quang Chiêu.	14.332	10.000	4.332	1.500	UBND huyện Mường Lát	-nt-
-	Sửa chữa nâng cấp đập Na Tao - Đông Ban xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.	12.737	5.000	7.737	5.200	UBND huyện Mường Lát	-nt-
*	Dự án hoàn thành sau năm 2015				6.952		
-	Nâng cấp đường từ Pá Quán đi bản Cò Còi xã Trung Lý.	75.484	34.810	40.674	6.952	UBND huyện Mường Lát	Thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục thực hiện dự án.
b	Huyện Quan Hoá	279.110	191.429	87.681	27.800		
*	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	107.796	94.646	13.150	13.150		
-	Đường Poọng - Ho - Hiền Kiệt (GD1).	26.193	24.376	1.817	1.817	UBND huyện Quan Hóa	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Đường giao thông Poọng - Ho xã Hiền Kiệt (GD II).	29.887	28.480	1.407	1.407	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Nam Xuân - Hối Xuân.	20.212	16.700	3.512	3.512	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
-	Nâng cấp đường Sại - Hang, xã Phú Lễ, huyện Quan Hoá.	14.633	11.200	3.433	3.433	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
-	Nâng cấp trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện Quan Hoá.	16.871	13.890	2.981	2.981	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	94.932	71.524	23.408	4.500		

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Đường từ Bàn Dôi Thiên Phú đến Bàn Bàu Nam Động (giai đoạn I+ II).	64.379	50.100	14.279	1.400	UBND huyện Quan Hoá	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
-	Cầu Nam Tiến.	30.553	21.424	9.129	3.100	UBND huyện Quan Hoá	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành dự năm 2015</i>	<i>76.382</i>	<i>25.259</i>	<i>51.123</i>	<i>10.150</i>		
-	Nâng cấp đường giao thông từ bản Poong xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hoá đi xã Ban Công, huyện Bá Thước.	15.327	3.600	11.727	4.000	UBND huyện Quan Hoá	Tiếp tục thực hiện dự án.
-	Trường phổ thông 2 cấp học (THCS và THPT) bản Dôi xã Thiên Phú, huyện Quan Hoá.	31.266	10.649	20.617	2.000	UBND huyện Quan Hoá	Triển khai thực hiện hạng mục nhà bán trú (bao gồm cả san nền và chi khác).
-	Đường giao thông xã Nam Tiến, huyện Quan Hoá (GD I).	29.789	11.010	18.779	4.150	UBND huyện Quan Hoá	Tiếp tục thực hiện GD I.
c	Huyện Quan Sơn	164.230	99.282	64.948	25.300		
*	<i>Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt</i>	<i>122.002</i>	<i>92.682</i>	<i>29.320</i>	<i>18.899</i>		
-	Đường Bản Hạ xã Sơn Hà đi bản Muồng xã Tam Lư.	18.169	15.510	2.659	2.659	UBND huyện Quan Sơn	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Đường giao thông từ bản Mây đi bản Bàng xã Trung Thượng.	14.188	11.290	2.898	2.898	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
-	Nâng cấp, cải tạo trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện Quan Sơn.	17.823	14.632	3.191	3.191	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
-	Đường dây điện, TBA 35KV và đường dây 0,4KV bản Tinh xã Tam Lư.	3.151	3.000	151	151	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
-	Cầu thị trấn Quan Sơn.	36.682	26.000	10.682	5.000	UBND huyện Quan Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
-	Đường từ bản Xuân Thành xã Sơn Thủy đi Bản Hiêng xã Na Mèo.	31.989	22.250	9.739	5.000	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2015</i>	<i>42.228</i>	<i>6.600</i>	<i>35.628</i>	<i>6.401</i>		
-	Cầu treo và đường giao thông từ xã Trung Tiến đi xã Trung Xuân.	26.695	6.100	20.595	3.401	UBND huyện Quan Sơn	Hoàn thành hạng mục cầu treo và tiếp tục thực hiện dự án.
-	Nối tiếp đường giao thông Trung Thượng - Sơn Lư đến Tây Thanh Hóa, huyện Quan Sơn.	15.533	500	15.033	3.000	UBND huyện Quan Sơn	Tiếp tục thực hiện dự án.
d	Huyện Bá Thước	243.934	148.179	95.755	29.100		
*	<i>Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt</i>	<i>64.492</i>	<i>56.520</i>	<i>7.972</i>	<i>7.972</i>		
-	Đường giao thông từ quốc lộ 217 đi Điện Quang - Điện Thượng.	18.087	15.040	3.047	3.047	UBND huyện Bá Thước	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Đường giao thông từ quốc lộ 217 đi xã Văn Nho.	12.172	10.000	2.172	2.172	UBND huyện Bá Thước	-nt-
-	Đường giao thôn từ Ban Công đi trung tâm xã Thành Lâm.	4.849	3.980	869	869	UBND huyện Bá Thước	-nt-
-	Đường giao thôn làng Thành Điền đi Làng Ruồng xã Điền Hạ.	29.384	27.500	1.884	1.884	UBND huyện Bá Thước	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2015</i>	<i>126.621</i>	<i>85.399</i>	<i>41.222</i>	<i>16.100</i>		
-	Đường từ quốc lộ 217 xã Ai Thượng đi ngã ba Kẹm xã Điền Lư, huyện Bá Thước.	37.337	25.840	11.497	4.000	UBND huyện Bá Thước	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
-	Đường giao thông từ thôn Mười đi thôn Muôn xã Điền Quang.	28.258	16.740	11.518	6.000	UBND huyện Bá Thước	-nt-
-	Đường giao thông Cẩm Giang - Cẩm Quý huyện Cẩm Thủy đi Lương Trung huyện Bá Thước (đoạn trên địa bàn huyện Bá Thước).	34.322	24.600	9.722	3.000	UBND huyện Bá Thước	-nt-
-	Trung tâm dạy nghề huyện Bá Thước.	26.704	18.219	8.485	3.100	UBND huyện Bá Thước	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2015</i>	<i>52.821</i>	<i>6.260</i>	<i>46.561</i>	<i>5.028</i>		
-	Nâng cấp đường giao thông từ xã Điền Thượng, huyện Bá Thước đi xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc (đoạn thuộc địa phận huyện Bá Thước).	52.821	6.260	46.561	5.028	UBND huyện Bá Thước	Tiếp tục thực hiện dự án.
e	Huyện Lang Chánh	147.129	90.619	56.510	27.100		
*	<i>Dự án hoàn thành quyết toán được duyệt</i>	<i>68.406</i>	<i>54.719</i>	<i>13.687</i>	<i>13.687</i>		
-	Đập Hòn Đang xã Lâm Phú.	4.751	4.010	741	741	UBND huyện Lang Chánh	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Đường giao thông thị trấn - đi Làng Giáng xã Quang Hiến.	20.107	17.339	2.768	2.768	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
-	Đập bản Bàn xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	4.926	4.050	876	876	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
-	Đường điện 35 KV, trạm biến áp và đường dây 0,4 KV bản Phá, xã Tam Văn.	12.660	7.920	4.740	4.740	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
-	Đường giao thông nông thôn bản Poong đi bản Húng xã Giao Thiệp.	25.962	21.400	4.562	4.562	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2015</i>	<i>55.661</i>	<i>35.900</i>	<i>19.761</i>	<i>8.913</i>		
-	Đường điện 35 KV, trạm biến áp và đường dây 0,4 KV bản Nà Đang, xã Lâm Phú.	20.864	14.800	6.064	1.800	UBND huyện Lang Chánh	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Khắc phục, sửa chữa 03 tuyến đường: Thị trấn Lang Chánh đi xã Lâm Phú; QL 15A đi xã Giao Thiện và QL15A đi xã Tân Phúc, xã Đông Lương, huyện Lang Chánh.	16.351	11.000	5.351	2.500	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
-	Trần liên hợp và đường 2 đầu tràn sông Sào xã Giao Thiện (hạng mục bổ sung khắc phục, sửa chữa sạt lở do mưa lũ gây ra)	18.446	10.100	8.346	4.613	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2015</i>	23.062		23.062	4.500		
-	Sửa chữa, nâng cấp đường từ bản Ngây đi bản Nà Đang, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh.	23.062		23.062	4.500	UBND huyện Lang Chánh	Triển khai thực hiện dự án.
f	Huyện Như Xuân	160.554	103.656	56.898	26.500		
*	<i>Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt</i>	75.814	62.056	13.758	13.758		
-	Nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Yên Cát đi Thảng Sơn, xã Yên Lễ.	6.823	5.700	1.123	1.123	UBND huyện Như Xuân	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Nâng cấp đập Chòm Chuối xã Xuân Quý.	2.813	2.300	513	513	UBND huyện Như Xuân	-nt-
-	Đường giao thông từ QL 45 đi trại giam Thanh Lâm.	12.839	12.600	239	239	UBND huyện Như Xuân	-nt-
-	Nâng cấp, cải tạo hồ Hồn Thành xã Thanh Xuân.	4.402	3.600	802	802	UBND huyện Như Xuân	-nt-
-	Đập Bừa Rằm xã Cát Vân.	22.253	15.536	6.717	6.717	UBND huyện Như Xuân	-nt-
-	Đường giao thông Yên Lễ đi Cát Vân.	26.684	22.320	4.364	4.364	UBND huyện Như Xuân	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>	35.531	25.570	9.961	2.842		
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Đồng Cẩn, xã Xuân Bình.	35.531	25.570	9.961	2.842	UBND huyện Như Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
*	<i>Dự án hoàn thành năm 2015</i>	23.730	16.030	7.700	2.900		
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông Kê Lạn - Ná Hày - Thanh Tiến - Thống Nhất - Làng Trung, xã Thanh Quân.	23.730	16.030	7.700	2.900	UBND huyện Như Xuân	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định.
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2015</i>	25.479		25.479	7.000		
-	Đường giao thông làng Mài xã Bình Lương, huyện Như Xuân.	25.479		25.479	7.000	UBND huyện Như Xuân	Triển khai thực hiện dự án.
g	Huyện Thường Xuân	214.083	147.555	66.528	29.200		
*	<i>Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt</i>	145.810	116.050	29.760	21.428		
-	Đường trung tâm xã Bát Mọt đi Chiền Phông - Dụm - xã Yên Nhân.	12.666	10.440	2.226	2.226	UBND huyện Thường Xuân	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.

1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Kênh cấp I và kênh Nội đồng xã Thọ Thanh.	4.386	3.600	786	786	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
-	Trạm biến áp và đường dây 0,4 KV xã Yên Nhân.	17.001	12.500	4.501	4.501	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
-	Trung tâm dạy nghề huyện Thường Xuân.	27.465	25.050	2.415	2.415	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
-	Nối tiếp đường giao thông Lương Thịnh đi Ngọc Thiện xã Lương Sơn.	31.243	25.180	6.063	3.000	UBND huyện Thường Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
-	Đường giao thông từ trung tâm xã đi bản Vjn, bản Đục xã Bát Mọt (GĐ I).	53.049	39.280	13.769	8.500	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2015</i>	<i>68.273</i>	<i>31.505</i>	<i>36.768</i>	<i>7.772</i>		
-	Trường THPT Thường Xuân 3, huyện Thường Xuân.	40.219	15.085	25.134	3.500	UBND huyện Thường Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành; hoàn thành nhà hiệu bộ và triển khai thực hiện hạng mục nhà thực hành bộ môn.
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông Xuân Dương - Thọ Thanh - Xuân Cao.	28.054	16.420	11.634	4.272	UBND huyện Thường Xuân	Tiếp tục thực hiện dự án.
III	VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW				1.230.000		Thực hiện theo đúng danh mục, mức vốn trong các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
IV	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ				1.270.324		Thực hiện theo đúng danh mục, mức vốn trong các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
V	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)				280.660		Thực hiện theo đúng danh mục, mức vốn trong các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hướng dẫn thực hiện của các nhà tài trợ.